

Số: 01 /QĐ - ĐHTCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên
Trường Đại học Tài chính - Marketing

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 Quy định chế độ làm việc của giảng viên;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan vào Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23 tháng 03 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2015 – 2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Tài chính - Marketing.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2019. Các quy định trước đây trái với quy định này được bãi bỏ. Trưởng các đơn vị thuộc Trường và toàn thể giảng viên, cán bộ viên chức trường Đại học Tài chính - Marketing chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 2;
- Lưu: VT, QLKH.



TS. Hoàng Đức Long

QUY ĐỊNH
VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-ĐHTCM ngày 02 tháng 01 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Điều 1. Đối tượng áp dụng

- Đối tượng bắt buộc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (NCKH): tất cả giảng viên bao gồm giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Đối tượng không bắt buộc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là viên chức, nhân viên của Trường không phải là giảng viên. Tuy nhiên, nếu các cá nhân này tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học thì cũng áp dụng Quy định này, trừ các điều khoản liên quan đến định mức NCKH.

Điều 2. Giải thích từ ngữ, chữ viết tắt

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trường: Trường Đại học Tài chính – Marketing
2. NCKH: Nghiên cứu khoa học
3. Giáo trình: là tài liệu giảng dạy, học tập phù hợp với chương trình GDĐH được quy định tại Thông tư 11/TT-BGDĐT ngày 28/01/2011.
4. Sách chuyên khảo là kết quả nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện về một vấn đề khoa học chuyên ngành (theo Quyết định số 37/QĐ-TTg ngày 31/8/2018).
5. Tài liệu học tập cho sinh viên: là tài liệu được giao biên soạn, thẩm định như giáo trình và Khoa/Bộ môn thống nhất sử dụng chính thức, phát cho sinh viên nhưng do giảng viên chủ biên chưa đủ tiêu chuẩn đứng tên giáo trình hoặc Khoa/Bộ môn chưa tìm được giáo trình bên ngoài khác thay thế.
6. Sách chuyên ngành: là sách được Trường/Khoa/Bộ Môn thống nhất dùng làm sách tham khảo cho giảng viên và người học, có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo.
7. Đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo: là đề án có nội dung đầy đủ theo quy định và bao gồm cả đề cương chi tiết học phần.

Điều 3. Nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên

1. Chủ trì và tham gia đề tài nghiên cứu khoa học

a/ Đề tài cấp quốc gia:

- Đề tài thuộc chương trình khoa học trọng điểm cấp quốc gia,
- Đề tài độc lập cấp quốc gia,
- Đề tài theo Nghị định thư.

b/ Đề tài cấp Bộ, tỉnh và tương đương bao gồm:

- Đề tài KH-CN cấp Bộ;
- Đề tài nhánh đề tài cấp Quốc gia;
- Đề tài hợp đồng với các cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố và các tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp có giá trị hợp đồng từ 100 triệu đồng trở lên.

c/ Đề tài cấp cơ sở và tương đương:

- Đề tài cấp cơ sở;
- Đề tài hợp đồng với các cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố, các tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp có giá trị hợp đồng dưới 100 triệu đồng.

2. Xây dựng chương trình đào tạo, đề án mở ngành, mở chuyên ngành đào tạo; đề án phục vụ cho hoạt động của Trường:

a/ Xây dựng chương trình đào tạo;

b/ Xây dựng đề án mở ngành, mở chuyên ngành đào tạo;

c/ Đề án phục vụ cho hoạt động của Trường.

3. Dịch sách chuyên ngành có bản quyền, biên soạn giáo trình, tài liệu học tập cho sinh viên và sách chuyên khảo:

a/ Dịch sách chuyên ngành từ tài liệu nước ngoài (có mua bản quyền);

b/ Biên soạn giáo trình, tài liệu học tập cho sinh viên;

c/ Biên soạn sách chuyên khảo;

4. Hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài NCKH trong và ngoài Trường.

5. Viết bài tham luận hội thảo khoa học trong và ngoài nước;

6. Công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

7. Tham gia các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về KH-CN ở cấp Khoa, Trường và ngoài Trường; Hướng dẫn, huấn luyện các đội tuyển tham gia thi đấu các giải thể thao, các cuộc thi học thuật ngoài trường.

8. Phản biện các bài báo khoa học cho các tạp chí khoa học trong và ngoài nước.

9. Các hoạt động liên quan đến nghiên cứu khoa học khác.

Điều 4. Định mức giờ NCKH của giảng viên được quy định như sau:

1. Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tương đương 540 giờ.

2. Giảng viên Khoa Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục thể chất và Khoa Ngoại ngữ có định mức 50% giờ NCKH, tương đương 270 giờ.

Điều 5. Các trường hợp giảm trừ định mức giờ NCKH đối với giảng viên

1. Giảng viên giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể trong Trường định mức tính theo tỷ lệ % giờ NCKH như sau:

STT	Chức vụ	Định mức (%)
1	Hiệu trưởng	15
2	Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng	20
3	Trưởng phòng và tương đương (Viện, Trung tâm)	25
4	Phó trưởng phòng và tương đương (Viện, Trung tâm)	30
5	Trưởng khoa, Phó trưởng khoa:	
a/	Đối với khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên:	
	- Trưởng khoa	70
	- Phó trưởng khoa	75
b/	Đối với khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học:	
	- Trưởng khoa	75
	- Phó trưởng khoa	80
6	Trưởng bộ môn	80
7	Phó trưởng bộ môn; chủ nhiệm lớp và cố vấn học tập (tính chức danh, không tính số lớp)	85
8	Giảng viên kiêm chức, làm công tác hành chính tại các phòng, ban, trung tâm, viện nghiên cứu, khoa quản lý	25
9	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch công đoàn trường (Trường có bố trí cán bộ chuyên trách)	70
10	Phó bí thư, phó chủ tịch công đoàn (Trường có bố trí cán bộ chuyên trách)	80
11	Trưởng ban Nữ công, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Chủ tịch Hội cựu chiến binh (Trường có bố trí cán bộ chuyên trách)	80
12	Trưởng ban Nữ công, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Chủ tịch Hội cựu chiến binh (Không bố trí cán bộ chuyên trách)	60
13	Bí thư chi bộ, Chủ tịch công đoàn khoa và tương đương	85

14	Phó Bí thư chi bộ, Phó Chủ tịch công đoàn khoa và tương đương	90
15	Bí thư Đoàn trường (là giảng viên)	30
16	Phó bí thư Đoàn trường, Chủ tịch Hội sinh viên (là giảng viên)	40
17	Phó Chủ tịch Hội sinh viên (là giảng viên)	50
18	Bí thư Đoàn khoa có từ 1.000 sinh viên trở lên (là giảng viên)	60
19	Bí thư Đoàn khoa có dưới 1.000 sinh viên (là giảng viên)	70
20	Ủy viên thường vụ Đoàn trường (là giảng viên)	70
21	Chủ nhiệm câu lạc bộ thể dục, thể thao	85

2. Các trường hợp giảm trừ định mức NCKH khác:

STT	Giảng viên	Mức giảm trừ định mức NCKH/năm (%)
1	Giảng viên trong thời gian tập sự	100
2	Giảng viên trong thời gian tập sự có khả năng giảng dạy (đã thông qua Hội đồng giảng thử cấp Trường), được Khoa phân công giảng dạy	50
3	Giảng viên mới, năm thứ nhất	50
4	Giảng viên được Trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng sau đại học (Có Quyết định của Hiệu trưởng)	
a/	Thuộc diện học tập trung	100
b/	Thuộc diện học không tập trung	50
c/	Giảng viên được Trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng sau đại học nếu quá hạn (Căn cứ theo quyết định của Trường và giấy báo nhập học, quyết định công nhận học viên của cơ sở đào tạo)	0
5	Nữ giảng viên nghỉ thai sản (đúng chế độ), Giảng viên nghỉ chữa bệnh dài ngày	Giảm trừ 100% giờ NCKH tương ứng với thời gian được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội tính theo tháng trong năm

6	Giảng viên nữ có con nhỏ (dưới 12 tháng tuổi)	Giảm trừ 50% giờ NCKH theo tỷ lệ thời gian được đi sớm về trễ theo qui định hiện hành.
---	-----------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------

Điều 6. Hoạt động nghiên cứu khoa học bắt buộc

1. Trong từng năm học, mỗi giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao quy định tại Điều 4 và Điều 5 của Quy định này. Trong một năm, mỗi giảng viên phải công bố kết quả nghiên cứu khoa học bằng các sản phẩm nghiên cứu cụ thể nêu tại Điều 3 của Quy định này, trong đó bắt buộc tham gia thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc tương đương được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc một bài tham luận hội thảo khoa học chuyên ngành từ cấp Khoa trở lên, hoặc tham gia viết giáo trình, tài liệu học tập cho sinh viên đã nghiệm thu.

2. Hàng năm, mỗi giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy học phần lý thuyết ngành và chuyên ngành của chương trình đào tạo Chất lượng cao phải có tối thiểu 01 công trình NCKH được công bố hoặc được nghiệm thu có nội dung liên quan đến ngành đào tạo Chất lượng cao.

Điều 7. Quy định số giờ NCKH đối với các hoạt động NCKH

STT	Các hoạt động NCKH	Số giờ
1	Đề tài NCKH được nghiệm thu	
a/	Đề tài cấp quốc gia, tính trong năm của thời hạn hợp đồng <i>Cách tính như sau:</i> - Thuyết minh đề tài được phê duyệt: 20% giờ quy định, tính trong năm được duyệt. - Báo cáo chuyên đề (theo nội dung hợp đồng): 30% giờ quy định, tính trong năm hoàn thành báo cáo chuyên đề. - Báo cáo tổng hợp cuối cùng được nghiệm thu: tính 50% giờ quy định còn lại, tính trong năm được nghiệm thu.	20.000 giờ/đề tài
b/	Cấp Bộ, tỉnh và tương đương, tính trong năm của thời hạn hợp đồng.	
	- Đề tài được cấp kinh phí dưới 200 triệu đồng	3.200 giờ/đề tài
	- Đề tài được cấp kinh phí từ 200 đến 500 triệu đồng	4.000 giờ/đề tài
	- Đề tài được cấp kinh phí từ trên 500 triệu đồng trở lên	7.000 giờ/đề tài
	<i>Cách tính như sau:</i>	

	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh đề tài được phê duyệt: 20% giờ quy định, tính trong năm được duyệt. - Báo cáo chuyên đề (theo nội dung hợp đồng): 30% giờ quy định, tính trong năm hoàn thành báo cáo chuyên đề. - Báo cáo tổng hợp cuối cùng được nghiệm thu: tính 50% giờ quy định còn lại, tính trong năm được nghiệm thu 	
c/	Cấp cơ sở và tương đương, tính trong năm của thời hạn hợp đồng.	1.500 giờ/đề tài
2	Đề án mở ngành, chuyên ngành các bậc và các đề án phục vụ hoạt động của Trường	
a/	Đề án mang tính trọng điểm được Hiệu trưởng giao thực hiện	3.200 giờ/đề án
b/	Đề án được cấp kinh phí từ dưới 30 triệu đồng	800 giờ/đề án
c/	Đề án được cấp kinh phí từ trên 30 đến 100 triệu đồng	1.500 giờ/đề án
d/	Đề án được cấp kinh phí từ trên 100 đến 300 triệu đồng	1.800 giờ/đề án
3	Giáo trình và tài liệu học tập cho sinh viên được Trường nghiệm thu, đưa vào sử dụng	
a/	Giáo trình và tài liệu học tập cho sinh viên biên soạn bằng tiếng Việt lần đầu	900 giờ/tín chỉ và được tính trong 3 năm liên tục, kể từ ngày có quyết định giao
b/	Giáo trình và tài liệu học tập cho sinh viên tái bản, sửa chữa đến 30% so với lần xuất bản trước	250 giờ/tín chỉ
c/	Giáo trình và tài liệu học tập cho sinh viên tái bản, sửa chữa từ trên 30% đến 70% so với lần xuất bản trước	500 giờ/tín chỉ
4	Sách chuyên khảo được Trường tổ chức thẩm định	3.500 giờ
5	Xây dựng chương trình đào tạo các bậc gồm:	
	- Biên soạn, tổng hợp, biên tập	800 giờ/ chương trình
	- Đề cương chi tiết học phần mới cho chương trình đào tạo bậc Cao đẳng, Đại học viết bằng tiếng Việt	160 giờ/ đề cương
	- Đề cương chi tiết học phần mới cho chương trình đào tạo bậc Cao đẳng, Đại học viết bằng tiếng Anh	200 giờ/ đề cương

	- Đề cương chi tiết học phần mới cho chương trình đào tạo bậc Sau đại học	270 giờ/ đề cương
	- Chính sửa, bổ sung, cập nhật chương trình đào tạo theo yêu cầu của Trường	500 giờ/ chương trình
6	Dịch sách chuyên ngành có bản quyền (1 trang tác giả tương đương 1.000 từ tiếng Việt)	10 giờ/ trang tác giả
7	Bài báo khoa học công bố trên các Tạp chí giấy in hoặc trực tuyến	
a/	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí ISI hoặc Scopus Q1	9.000 giờ/ bài
b/	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí Scopus Q2	7.000 giờ/ bài
c/	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí Scopus Q3	4.500 giờ/ bài
d/	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí Scopus Q4	3.000 giờ/ bài
e/	Bài báo khoa học công bố trên các tạp chí quốc tế có ISSN	1.500 giờ/ bài
g/	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí trong nước thuộc danh mục tạp chí được HĐCDGSNN chấp nhận: Tạp chí được tính từ đến 1 điểm	800 giờ/ bài
h/	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí trong nước được tính đến 0,5 điểm và Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Marketing	600 giờ/ bài
i/	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí khoa học chuyên ngành khác trong nước có mã ISSN	200 giờ/ bài
8	Bài tham luận công bố trong Hội thảo khoa học	
a/	Cấp quốc tế trong và ngoài nước (viết bằng một trong 5 thứ tiếng: tiếng Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức)	1000 giờ/ bài
b/	Cấp quốc tế viết bằng tiếng Việt và cấp quốc gia	300 giờ/ bài
c/	Cấp bộ, ngành, địa phương và cấp Trường được xuất bản	300 giờ/ bài
d/	Cấp Trường lưu hành nội bộ	150 giờ/ bài
e/	Cấp khoa	100 giờ/ bài
9	Phản biện bài báo khoa học cho các tạp chí trong và ngoài Trường	Tính bằng 10% của sản phẩm KHCN tương ứng được quy định tại khoản 7 Điều này.
10	Tham gia các cuộc thi học thuật, sáng tạo, thể thao	

a/	Tham gia đội tuyển thi đấu các giải ngoài Trường <i>(5 người/đội, tính theo nguyên tắc tương đương nếu đội có ít hoặc nhiều hơn 5 người). Mức thưởng được phân bổ đều cho số người trong đội.</i>	
	- Tham gia thi đấu	50 giờ/cuộc thi/người
	- Đạt giải nhất	Thưởng 50% số giờ định mức NCKH
	- Đạt giải nhì	Thưởng 40% số giờ định mức NCKH
	- Đạt giải ba	Thưởng 30% số giờ định mức NCKH
	- Đạt giải khuyến khích	Thưởng 20% số giờ định mức NCKH
b/	Tham gia huấn luyện đội tuyển cán bộ, viên chức, người lao động thi đấu các giải ngoài trường <i>Nếu Ban huấn luyện gồm nhiều người, số giờ NCKH và mức thưởng sẽ được chia cho các thành viên theo văn bản tự thỏa thuận, gửi P.QLKH</i>	
	- Tham gia thi đấu	400 giờ/đội tuyển
	- Đạt giải nhất	Thưởng 50% số giờ định mức NCKH
	- Đạt giải nhì	Thưởng 40% số giờ định mức NCKH
	- Đạt giải ba	Thưởng 30% số giờ định mức NCKH
	- Đạt giải khuyến khích	Thưởng 20% số giờ định mức NCKH

c/	Tham gia huấn luyện đội tuyển sinh viên tham gia các giải thi đấu ngoài Trường, bao gồm Hội thao quốc phòng toàn thành, toàn quốc <i>Nếu Ban huấn luyện gồm nhiều người, số giờ NCKH và mức thưởng sẽ được chia cho các thành viên theo văn bản tự thỏa thuận, gửi P.QLKH.</i>	650 giờ/đội tuyển
	- Đạt giải nhất	Thưởng 50% số giờ định mức NCKH
	- Đạt giải nhì	Thưởng 40% số giờ định mức NCKH
	- Đạt giải ba	Thưởng 30% số giờ định mức NCKH
	- Đạt giải khuyến khích	Thưởng 20% số giờ định mức NCKH
11	Ban chủ nhiệm câu lạc bộ thể dục, thể thao của Trường <i>Nếu Ban chủ nhiệm gồm nhiều người, số giờ NCKH sẽ được chia cho các thành viên theo văn bản tự thỏa thuận, gửi P.QLKH.</i>	650 giờ/câu lạc bộ/năm
12	Hướng dẫn sinh viên NCKH	
a/	Đạt giải nhất cấp Bộ, Eureka và các cuộc thi học thuật, sáng tạo khác	400 giờ/ công trình
b/	Đạt giải nhì cấp Bộ, Eureka và các cuộc thi học thuật, sáng tạo khác	350 giờ/ công trình
c/	Đạt giải ba cấp Bộ, Eureka và các cuộc thi học thuật, sáng tạo khác	300 giờ/ công trình
d/	Đạt giải khuyến khích cấp Bộ, Eureka và các cuộc thi học thuật, sáng tạo khác	250 giờ/ công trình
đ/	Đạt giải Nhất cấp Trường	250 giờ/ công trình
e/	Đạt giải Nhì cấp Trường	230 giờ/ công trình

g/	Đạt giải Ba cấp Trường	210 giờ/ công trình
h/	Khuyến khích	200 giờ/ công trình
k/	Hoàn thành đề tài, nộp trường nghiệm thu	190 giờ/ công trình
l/	Nếu 1 công trình NCKH của sinh viên đạt nhiều giải thưởng, giảng viên hướng dẫn được tính giờ hoạt động NCKH tương ứng với giải thưởng cao nhất của công trình đó	

Điều 8. Quy định về cách phân chia khối lượng giờ NCKH

1. Nếu công trình là đề tài NCKH, đề án mở ngành, mở chuyên ngành đào tạo và các đề án khác được thực hiện tập thể thì chủ nhiệm đề tài, đề án hưởng 1/2 số giờ, 1/2 số giờ còn lại chia đều cho các thành viên khác. Nếu nhóm nghiên cứu chỉ có 2 người thì chủ nhiệm hưởng 2/3 số giờ, thành viên còn lại 1/3 số giờ.

2. Nếu công trình là giáo trình và tài liệu học tập cho sinh viên thì người chủ biên nếu có được tính 1/5 số điểm công trình đã được tính cho cuốn sách đó, 4/5 số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của từng người tham gia viết, kể cả người chủ biên nếu trực tiếp tham gia viết sách.

3. Nếu nhóm tác giả có thỏa thuận khác với quy định trong khoản 1 và 2 của điều này thì có văn bản tự thỏa thuận chính thức kèm chữ ký của các thành viên trong nhóm tác giả gửi phòng Quản lý khoa học để làm căn cứ tính toán.

4. Đối với các đề tài NCKH cấp Quốc gia, cấp Bộ và tương đương, nếu nghiệm thu trước thời hạn thì số giờ NCKH vẫn được tính trong 2 năm.

Điều 9. Quy định tính giờ bài tham luận hội thảo khoa học

1. Bài tham luận hội thảo khoa học được tính giờ là bài viết đúng dưới dạng một bài báo khoa học (theo Quy định bài viết gửi đăng Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing) và tối thiểu 4000 từ và phù hợp với các lĩnh vực đào tạo của Trường và chuyên môn của giảng viên.

2. Bài tham luận hội thảo khoa học cấp khoa chỉ tính giờ tối đa 02 bài/giảng viên đăng trong 01 kỳ yếu hội thảo khoa học cấp Khoa.

Điều 10. Hỗ trợ chi phí tham dự Hội thảo khoa học quốc tế

1. Cán bộ, công chức, viên chức trường được hỗ trợ chi phí tham dự Hội thảo khoa học quốc tế trong và ngoài nước khi thỏa các điều kiện sau:

a/ Có thư mời của đơn vị tổ chức Hội thảo;

b/ Có bài tham luận đăng kỷ yếu Hội thảo trong danh mục ISI, SCOPUS hoặc sau Hội thảo bài tham luận được công bố trên các tạp chí quốc tế ISI, SCOPUS.

2. Hỗ trợ 100% chi phí đi lại, ăn ở, lệ phí tham dự Hội thảo (Không hỗ trợ lệ phí biên tập và xuất bản bài; Nếu lệ phí tham dự bao gồm trong lệ phí in bài thì không hỗ trợ lệ phí tham dự).

3. Cán bộ, công chức, viên chức có thể tạm ứng 100% chi phí tham dự Hội thảo khoa học quốc tế. Sau 18 tháng tính từ ngày tạm ứng, nếu công trình nghiên cứu không được công bố trong các tạp chí nêu trên thì phải hoàn trả 100 % kinh phí tạm ứng để tham dự Hội thảo với Trường.

Điều 11. Quy đổi giờ giảng và giờ NCKH

1. Trong từng năm học mỗi giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với từng chức danh giảng viên.

2. Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ NCKH, thì khối lượng giờ NCKH còn thiếu được quy đổi từ số giờ giảng vượt định mức (nếu có) theo tỷ lệ: 2 giờ NCKH = 1 giờ chuẩn giảng dạy cho đến khi bù hết số giờ NCKH còn thiếu. Việc quy đổi này được thực hiện trước khi thanh toán thù lao vượt giờ của giảng viên.

3. Đối với những giảng viên thiếu định mức giờ giảng, nhưng vượt khối lượng giờ NCKH, thì khối lượng giờ giảng còn thiếu được quy đổi từ số giờ KHCN vượt định mức (nếu có) theo tỷ lệ: 2 giờ NCKH = 1 giờ chuẩn giảng dạy cho đến khi bù hết số giờ giảng còn thiếu. Việc quy đổi này được không được thực hiện để thanh toán thù lao vượt giờ của giảng viên.

Điều 12. Kê khai các hoạt động NCKH và thống kê giờ NCKH

1. Các hoạt động NCKH do Trường tổ chức hoặc chủ trì: Phòng Quản lý Khoa học tổng hợp và tính giờ NCKH cho giảng viên.

2. Các hoạt động NCKH do Khoa hoặc các đơn vị ngoài trường tổ chức, chủ trì:

a/ Các giảng viên kê khai kèm theo minh chứng được quy định sau đây:

Sản phẩm minh chứng đối với những công trình NCKH do Khoa hoặc các đơn vị ngoài trường tổ chức, chủ trì:

STT	SẢN PHẨM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	MINH CHỨNG
1	Đề tài cấp Quốc gia	Nộp bản sao của các tài liệu sau: 1/ Hợp đồng nghiên cứu đề tài 2/ Biên bản nghiệm thu đề tài
2	Đề tài trọng điểm cấp Bộ	3/ Biên bản thanh lý hợp đồng

3	Đề tài cấp Bộ, tỉnh và tương đương	4/ Hợp đồng nghiên cứu đề tài của giảng viên với các đơn vị ngoài trường 5/ Biên bản thanh lý hợp đồng đề tài của giảng viên với các đơn vị ngoài trường
4	Đề tài cấp cơ sở và tương đương	
5	Dịch sách chuyên ngành có bản quyền, biên soạn sách chuyên khảo	Nộp bản sao của các tài liệu sau: 1/ Trang bìa 2/ Trang in tên các tác giả của sách dịch chuyên ngành, sách chuyên khảo 3/ Trang mục lục 4/ Trang in Giấy phép xuất bản, nộp lưu chiểu cho nhà xuất bản (nếu có xuất bản).
6	Bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước	Nộp bản sao của các tài liệu sau: 1/ Trang bìa 2/ Trang mục lục
7	Bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế giấy in, trực tuyến	3/ Toàn bộ nội dung bài báo, tham luận đã được đăng. <i>Lưu ý: đối với bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế trực tuyến cung cấp đường link trên trang mạng nước ngoài để phòng Quản lý khoa học kiểm tra.</i>
8	Bài tham luận Hội thảo khoa học các cấp đăng trong kỷ yếu	
9	Phản biện bài báo cho các tạp chí chuyên ngành ngoài trường.	Nộp bản sao bài phản biện và bài báo được phản biện.
10	Các hoạt động nghiên cứu khoa học khác được BGH phê duyệt	Nộp bản sao của các tài liệu sau: 1/ Hợp đồng 2/ Thanh lý hợp đồng

b/ Giảng viên chỉ cập nhật công trình ngoài trường qua phần mềm quản lý giờ NCKH của Trường và kiểm tra định kỳ theo quý.

c/ Phòng Quản lý khoa học căn cứ vào số giờ NCKH đã vượt của giảng viên và đề xuất chuyển một phần giờ NCKH vượt sang năm tiếp theo. Phần chuyển sang năm tiếp theo không được tính vào giờ NCKH để xét thưởng theo quy định tại Điều 13 của Quy định này.

Điều 13. Khen thưởng

1. Chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, chủ biên hoặc các đồng chủ biên giáo trình thực hiện đề tài, giáo trình đúng tiến độ và được nghiệm thu đạt loại Xuất sắc, sẽ được thưởng 10% tổng kinh phí thực hiện đề tài.

2. Cán bộ, viên chức, giảng viên Trường thỏa mãn các điều kiện quy định tại các Điều 4, 5, 6 và phải có đề tài NCKH, hoặc đề án đã nghiệm thu đúng hạn, bài báo được công bố trên tạp chí khoa học trong và ngoài nước hoặc các bài tham luận từ cấp Trường trở lên sẽ được thưởng, cụ thể theo 3 mức sau:

a/ Mức 1: Vượt số giờ NCKH quy định từ trên 540 giờ - 1.080 giờ

b/ Mức 2: Vượt số giờ NCKH quy định từ trên 1.080 giờ - 2.160 giờ

c/ Mức 3: Vượt số giờ NCKH quy định trên 2.160 giờ - 5.000 giờ

d/ Mức 4: Vượt số giờ NCKH quy định trên 5.000 giờ - 10.000 giờ *(Không tính giờ các bài báo khoa học, bài tham luận hội thảo khoa học đã được thưởng)*

e/ Mức 5: Vượt số giờ NCKH quy định trên 10.000 giờ *(Không tính giờ các bài báo khoa học, bài tham luận hội thảo khoa học đã được thưởng)*

Mức thưởng theo quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm.

3. Giảng viên hướng dẫn sinh viên NCKH đạt giải thưởng cấp Bộ, ngành, Eureka và các cuộc thi học thuật khác: thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.

4. Các cá nhân có bài báo khoa học, bài tham luận hội thảo khoa học công bố trên Tạp chí quốc tế:

a/ Các bài báo khoa học được viết bằng tiếng Anh, công bố trên các tạp chí in giấy hoặc trực tuyến được xếp hạng được thưởng theo quy chế chi tiêu nội bộ gồm 4 mức; Các bài được tính xếp hạng căn cứ vào thời điểm công bố trùng với thời điểm ISI, hoặc Scopus công bố xếp hạng và đúng lĩnh vực công bố. Các mức cụ thể sau:

- Mức 1: Bài báo xếp hạng ISI, Scopus Q1

- Mức 2: Bài báo xếp hạng Scopus Q2

- Mức 3: Bài báo xếp hạng Scopus Q3

- Mức 4: Bài báo xếp hạng Scopus Q4

b/ Các tham luận khoa học được viết bằng tiếng nước ngoài, công bố trong các Hội thảo khoa học quốc tế trong và ngoài nước được xuất bản có mã ISSN/ISBN, Trường thưởng theo quy chế chi tiêu nội bộ.

c/ Trường hợp bài báo khoa học, tham luận khoa học do nhóm tác giả thực hiện thì việc phân chia như sau:

- Nhóm tác giả có 2 người: tác giả chính được nhận 2/3 mức thưởng, tác giả còn lại nhận 1/3;

- Nhóm tác giả có 3 người: tác giả chính được nhận 1/2 mức thưởng, 1/2 mức thưởng còn lại chia đều cho 2 tác giả;

- Nhóm tác giả nhiều hơn 3 người: tác giả chính được nhận 1/3 mức thưởng, 2/3 mức thưởng còn lại chia đều cho các tác giả.

5. Các cá nhân được xét khen thưởng tại các khoản từ 1 đến 4 của Điều này không bao gồm các cá nhân ngoài Trường; trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định. Mức thưởng có thể thay đổi tùy thuộc vào Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường hoặc Hiệu trưởng quyết định.

Điều 14. Kỷ luật

1. Các đề tài NCKH trễ hạn quá hạn hơn 6 (sáu) tháng: Điểm thời gian thực hiện đề tài trong Phiếu đánh giá nghiệm thu là 0.

2. Các đề tài NCKH trễ hạn quá hạn hơn 12 (mười hai) tháng: Đề tài sẽ được thanh lý và thu hồi kinh phí tạm ứng chưa sử dụng.

3. Trường hợp đề tài không hoàn thành do không được nghiệm thu, phải thanh lý, do nguyên nhân chủ quan, chủ nhiệm đề tài sẽ không được giao đề tài NCKH các cấp trong năm tiếp theo.

4. Đối với các cá nhân không chấp hành đúng những quy định về quản lý đề tài NCKH sẽ bị xử lý tùy theo mức độ vi phạm, ảnh hưởng và không được giao đề tài NCKH các cấp ít nhất trong 2 (hai) năm tiếp theo.

5. Các trường hợp tự ý chuyển giao đề tài không thông qua lãnh đạo Trường, hay chuyển giao công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Trường tùy theo mức độ vi phạm sẽ được xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của Trường và pháp luật hiện hành.

6. Các đề tài NCKH sử dụng kinh phí ngoài Trường trễ hạn sẽ được xử lý theo Quyết định của đơn vị chủ quản đề tài. Chủ nhiệm đề tài chịu trách nhiệm với đơn vị chủ quản đề tài về việc sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện đề tài với đơn vị chủ quản.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Các quy định trước đây không phù hợp với quy định này sẽ được bãi bỏ.

2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng kể từ ngày 01/01/2019. Trường các đơn vị thuộc Trường tổ chức quán triệt đến tất cả cán bộ, viên chức, nhân viên của đơn vị mình.

3. Trong quá trình thực hiện quy định, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Phòng Quản lý khoa học để đề xuất, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. / *TL*



TS Hoàng Đức Long